**Willam Goyen**

Cầu Nhạc, Sông Cát

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

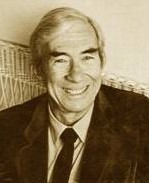
[Cầu Nhạc, Sông Cát](" \l "bm2)

**Willam Goyen**

Cầu Nhạc, Sông Cát

Dịch giả: Hoàng Ngọc Biên

WILLIAM GOYEN   
(1915~)



(Charles) William Goyen sinh ngày 25.4.1915 ở Trinity (địa danh sau này ông đã đổi tên gọi là Charity trong The House of Breath) một thành phố của đường xe lửa và nhà máy cưa nằm trên sông Trinity River, phía đông Texas, bố là Charles Provine Goyen, mẹ là Mary Inez Trow, và sống với gia đình ở thành phố này cho đến năm bảy tuổi. Thế giới của thành phố này, ruộng đồng, cư dân, tiếng nói và lối mê tín và truyền thuyết, đã ghi dấu ấn trong những cảm xúc của tôi trong suốt bảy năm đầu của đời tôi; và tôi đã sống mười hai năm đời viết văn của tôi đem nó ra tường trình và chế tạo nó trong những truyện ngắn. Gia đình ông chuyển đến ở Shreveport, Louisiana, rối Houston, Texas là nơi ông tốt nghiệp. Thời ông vào trường trung học Sam Houston High School ông tin chắc mình sẽ trở thành một nhà soạn nhạc, một diễn viên, hay một ca sĩ, và mặc dù bố mẹ đều tỏ ý không tin vào những mơ tưởng kỳ lạ này, ông vẫn xoay sở bí mật ghi tên học sáng tác nhạc, múa, và thanh nhạc. Khi bị phát hiện, ông xoay qua viết văn, như một hình thức nghệ thuật “ít được chú ý hơn”. Tại Rice University, Goyen bắt đầu khám phá sự hấp dẫn của văn chương và vùi mình đọc những tác phẩm cổ điển Anh, Pháp và Mỹ, đọc và viết không ngừng. Ông đậu bằng B.A năm 1937 và M.A về văn học so sánh năm 1939. Cuối năm đó, sau một thời gian ngắn dạy học tại University of Houston, ông vào ngành Hải quân, với cấp bậc binh nhì, rồi sau một năm học trường huấn luyện sĩ quan Midshipman School ở Columbia University ở New York, ông phục vụ ngành Hải quân trong suốt thời chiến tranh, phần lớn là trên hàng không mẫu hạm ở Nam Thái bình dương. Sau chiến tranh, Goyen đến New Mexico và sống một cuộc sống trọn vẹn viết văn. Ở El Prado, gần Taos, ông được giúp xây một căn nhà bằng gạch mộc – quà tặng của Frieda Lawrence – nơi ông làm việc trong hai năm cho cuốn tiểu thuyết đầu tay, The House of Breath, là cuốn ông hoàn tất ít lâu sau đó ở London. Giữa 1945 và 1952 ông sống qua nhiều nơi khác nhau: New Mexico, Oregon, châu Âu, rồi New York. Từ 1952 đến 1954, ông ở New York là chính, dạy viết văn và văn học tại trường New School for Social Research (1955-1960) và Đại học Columbia (1964-1965), viết phê bình và điểm sách cho tờ New York Times (1950-1965). Những năm sau đó ông dạy với tư cách thỉnh giảng tại nhiều trường, Brown University, Columbia University, Princeton University, University of Southern California... Ông khởi sự làm biên tập cho Nxb. McGraw-Hill năm 1966 nhưng rút lui năm 1971 để trở lại dành toàn thì giờ cho chuyện viết văn. Năm 1975 ông chuyển đến sống ở Los Angeles và sống ở đây phần lớn thời gian còn lại của đời mình. Trước khi qua đời, ông đang viết nửa chừng một tác phẩm tự thuật, nhiều truyện ngắn sau này đã lần lượt được biên tập và cho xuất bản. Riêng tiểu thuyết Arcadio được ấn hành khoảng tám tuần lễ sau khi ông nằm xuống ngày 30.8.1983 tại Los Angeles vì bệnh bạch cầu. Mặc dù đi nhiều và sống nhiều nơi khác nhau, trong những môi trường khác nhau, thế giới của William Goyen vẫn thấm đẫm miền đất Đông Texas nơi ông sinh ra và lớn lên, và tác phẩm của ông vẫn là một nỗ lực kết hợp câu hỏi tinh thần về bản chất con người với những hiện tượng của cuộc sống mộc mạc ngày thường – khởi đầu từ một tuổi thơ mang đầy dấu ấn những nhịp điệu của tiếng nói dân dã, của Kinh thánh, của những con người sống lúc nào cũng đang chờ đợi – chờ đợi gì?... Là một người say mê sự lộng lẫy, The House of Breath xuất bản năm 1950 của ông, khúc thần chú gợi lên hình ảnh thành phố nhỏ quê hương Texas trong thời thơ ấu và thiếu niên của người thuật chuyện, quả đã chứng tỏ tính cách huy hoàng lộng lẫy của hình ảnh và âm thanh trong ký ức một nhà văn. Những cuốn tiểu thuyết sau đó, In a Farther Country và The Fair Sister và nhiều truyện ngắn của ông, kể cả những truyện trong tập đầu tiên Ghost and Flesh (1952), hầu hết lấy bối cảnh là Texas cho thấy một thế giới huyễn hoặc, một thứ “siêu-hiện thực mỏng manh”, chủ đề dường như lúc nào cũng ít nhiều xoay quanh “một sự xung đột không bao giờ ngưng nghỉ giữa hiện tại và quá khứ, giữa cái nhìn thấy được và cái không nhìn thấy được” (William Peden) trong đó các nhân vật, bị xâu xé giữa hai thế giới, cứ phải phấn đấu để bên nào cũng được tốt đẹp – toàn bộ được đưa lên trang giấy với một cách thế, với một sự sắp xếp đẹp đẽ, một không khí, một phương pháp nghệ thuật, như trong một bản giao hưởng pha trộn từ hiện thực đến một thứ kỳ quái gần giống với sân khấu. Tác phẩm của Goyen cho đến nay, và rất sớm, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, đặc biệt sớm hơn cả là tiếng Pháp và tiếng Đức. Truyện ngắn của ông xuất hiện trên những tạp chí ở châu Âu và đã đón nhận được sự ngưỡng mộ thân tình và trân trọng, theo ý kiến của người dịch, có khi rộng rãi hơn cả ở Mỹ, ấy chính là nhờ những bản dịch tuyệt vời mà cảm hứng tất nhiên phải đến từ một bút pháp “âm nhạc” khá mới mẻ và khá quyến rũ của chính nhà văn. Ngoài tiểu thuyết và truyện ngắn, William Goyen còn viết, hoặc chuyển thể từ truyện của mình, và đưa lên sân khấu 6 vở kịch, trong số có: The House of Breath (1956), The Diamond Rattler (trình diễn ở Boston, 1960), Christy (1964), The House of Breath Black/White (1971). Hoạt động sân khấu đã là dịp ông quen biết và kết hôn với nữ diễn viên Doris Roberts năm 1963. William Goyen là người viết lời ca cho phim Left-Handed Guns (một phim cao bồi đen trắng thực hiện rất đẹp của Arthur Penn, kịch bản hình như của Gore Vidal?) và còn là một nhạc sĩ: trong nhiều giải thưởng ông nhận được, như của Texas Institute of Arts and Letters (1950) chẳng hạn, có lẽ những giải thưởng các năm 1964, 1965, 1968, 1970 và 1971 về âm nhạc do ASCAP (American Society of Composers, Authors, and Publishers) cũng nên được ghi nhận. Có thể chi tiết này giải thích thứ âm nhạc mà một người đọc The House of Breath cách nay thiếu hai năm đầy nửa thế kỷ vẫn còn nghe rõ đâu đây, những lúc tình cờ đối diện với một cái giếng trong sân, hay nghe một tiếng gà gáy xa, một tiếng gió đi qua trên mái nhà? Tác phẩm: The House of Breath (1950); Ghost and Flesh (1952); In a Farther Country (1955); The Faces of Blood Kindred (1960); The Fair Sister (1963); Selected Writings (1974); The Collected Stories (1975); A Book of Jesus (1973); Come the Restorer (1974); Arcadio (1984); và các vở kịch The House of Breath (1956), The Diamond Rattler (1960), Christy (1964), House of Breath Black/White (1971), và Aimee (1973). Năm 1999, Triquarterly Books đã cho ra một ấn bản Kỷ niệm năm thứ năm mươi tác phẩm The House of Breath với lời bạt của Reginald Gibbons, giáo sư tại Northwestern University.  
**CẦU NHẠC, SÔNG CÁT**   
Bạn có nhớ chiếc cầu chúng ta vẫn đi qua bờ bên kia sông để đến Riverside? Và nếu bạn nhìn tới tận đàng kia nữa bạn thấy cái cầu cạn có đường xe lửa đi qua? Cái cầu cao và hẹp? Ấy đó là nơi ông ta nhảy xuống. Giữa một con sông chẳng có gì. “Sông”! Bạn nói đùa đấy. Tôi có thể nhổ xuống cái lòng sông khô kia nhiều nước bọt hơn cả nước. Có nhiều nơi sông có hơi ẩm một chút, nhưng cũng chỉ thế mà thôi. Con sông vĩ đại cuồn cuộn của bạn như thế đấy: một khoảng đất ẩm. Những gì còn lại của cái thị trấn Trinity cũ to lớn của bạn như thế đấy. Bao nhiêu ấy nước đã đi về đâu? Tôi mong ít ra người ta có thể làm gì đó cho dòng sông. Nhưng người ta có thể làm gì? Có ai có thể làm gì? Ta không thể nào thay một dòng sông.   
Dù sao, nếu như có nước, có lẽ con người trần truồng kia vẫn nhảy xuống. Thế nào chăng nữa, phóng người xuống sông như sông đang có nước, hắn đã đâm đầu xuống trước vào cát ẩm và cắm vào đó như một mũi tên cắm vào thịt và người ta đã tìm thấy hắn trong tư thế một người đang qùi gối, mất cả đầu, người cúi về phía trước tìm kiếm cái gì. Có phải hắn tìm kiếm cái nơi dòng sông biến mất? Tôi đang lái xe qua chiếc cầu cũ trên sông thì đột nhiên tôi tự nhủ, này tôi tin là mình vừa nhìn thấy cái gì kia. Tôi suýt đâm vào thành cầu. Và tôi thấy lạnh cả mình.   
Khi đã qua khỏi cầu, việc tôi bắt đầu làm là cho chiếc xe vào bên trong lề đường và bước ra và chạy xuống bờ sông vòng qua một khúc rắn chuông lanh canh dường như người ta đặt ở đây để cản người đi qua (tháng Bảy hai bên bờ lúc nhúc những thứ này), và tiếp tục xuống nữa; và nơi tôi đến là một thứ lối đi rộng và to và trống trơn do sông mở ra và bồi lên bằng cát trắng xóa long lanh. Tôi băng qua giữa chừng quãng đường lớn ma quái này trên sông, và khi tôi tiến đến gần, xin lạy Đấng Giêsu Thượng đế Toàn Năng cứ cho ma quỉ bắt tôi đi nếu như tôi bảo không nhìn thấy một nửa thân người trần truồng ngay cái chỗ lý ra phải là giữa sông nếu như sông có nước. Tôi sợ muốn chết. Tôi phải làm gì đây? Cố thử kéo cái thân người ấy ra? Tôi sợ không dám đụng tới nó. Buổi chiều nóng như thiêu. Cái nóng tháng Bảy phả mạnh từng hồi. Bầu không khí xanh bốc đầy hơi nhấp nhô như một tấm màn mỏng. Cảm tưởng thiếu một cái gì đó ám ảnh tôi: ấy là đời sống đã đánh mất của dòng sông – một cái gì mạnh đến nỗi nó đã ám ảnh cả vùng quê lan rộng đến cả mấy dặm; ta có thể cảm nhận nó trước cả khi tới đây. Trong khung cảnh không tự nhiên ấy – sông không có nước chảy qua – mọi thứ khác đều cùng có vẻ không tự nhiên. Cỏ cây quanh sông èo uột trông như bị bỏ đói; chúng lớn lên bên rìa đất cát thay vì bên nước; có vẻ không sống đúng chỗ của mình.   
Phải chi tôi không đi qua chiếc cầu cũ ấy. Căn cứ vào tấm biển, thì rõ ràng tôi đã đưa mình ra chịu phạt năm ngàn đô la vì đã lái xe qua cầu, và tôi hiểu vì sao như thế. (Đàng xa kia chiếc cầu mới vẽ ra một vòm sáng. Trên cầu không có xe cộ qua lại.) Tiếng rúng động của những mảnh ván lỏng lẻo và tiếng rung chuyển của những thanh dầm bằng sắt nghe thật là khủng khiếp. Tôi gần như hoảng hốt giữa cầu khi toàn bộ cái công trình xây dựng kia lắc lư và gây ra một tiếng kêu răng rắc và loảng xoảng. Tôi lấy làm lạ là cái công trình mảnh mai kia không có một cái gì hơn là một tấm biển để ngăn chặn sự qua lại – lẽ ra nó phải có một cái rào cản. Dù sao, chính vào cái lúc tôi ra đến nửa cầu, trên cái chuyến xe đu đưa trông giống như trong một cuộc đua điên cuồng ngày lễ hội, tôi đã nhìn thấy cái hình thù trần truồng kia cắm đầu xuống từ chiếc cầu cạn cũ có đường xe lửa đi qua. Tôi cứ tưởng như con người phóng mình ra kia đã nhảy một cú nhảy ngoạn mục xuống dòng sông sâu dưới ấy – cho đến khi tôi kinh hoàng nhận ra đây là một con sông cạn. Tôi không dám dừng xe và tiếp tục đi tới, hoảng sợ cứ thế đi tới một cách máy móc, bị mê hoặc bởi những giai điệu vang lên từ những nhạc cụ của chiếc cầu du dương âm điệu như nhạc trình diễn từ một dàn những đàn mộc cầm và trống và trung hồ cầm, khi tôi đi qua cầu. Ai có thể biết được một chiếc cầu đã chết, đã bít lối đi và cách biệt không để ai đụng tới, lại mang những âm hưởng nhạc như thế? Bấy giờ tôi đã tới phía bên kia cầu. Sau lưng tôi tiếng nhạc giờ đây đã lắng bớt, dịu xuống thành một thứ như hòa âm những tiếng chuông chùm và tiếng yên cương và xe ngựa; âm thanh nghe như những hồi chuông và rung như những tiếng cồng dịu và trầm.   
Hai bàn tay hắn hẳn là đã cắm vào nền cát ướt, và đã đục một đường cắt sẵn cho đầu và vai hắn. Hắn cắm sâu đến tận giữa thắt lưng và đã ngã lăn trong tư thế quì: một hình thù chống trên đầu gối với cái đầu vùi trong cát, tựa như chính nó đã quyết định sẽ không nhìn vào thế gian này nữa. Và rồi cái hình thù ấy bắt đầu chìm sâu y như có ai đó ở dưới đất đang kéo nó xuống. Một cách chậm rãi cái bụng dẹp và đầy lông biến mất; rồi đến phần hông, đùi. Con sông, khi đã nuốt mất một nửa phần thân thể kia, giờ đây có vẻ như đang xơi hết phần còn lại của nó. Trong một lúc, hai bàn chân nằm trên cát, lòng bàn chân đưa lên trời. Và sau đó thì chúng chìm xuống, uốn vòng cung như chân của một vũ công.   
Người đàn ông chết chìm trên dòng sông cạn nước kia là ai? là ai kẻ đã bị dòng sông cạn nước kia nuốt mất? là ai kẻ bị cát ăn ngấu nghiến? Tôi sẽ giải thích, sẽ mô tả sự việc xảy ra như thế nào đây? Người ta sẽ cho tôi là kẻ đầu óc không bình thường. Và tại sao tôi lại phải kể cho ai đó nghe chuyện này – cho cảnh sát hay cho bất cứ ai? Chẳng cần làm gì nữa, cái con người cắm mình nhào xuống đã biến mất, con người trần truồng phóng mình ra đã bị nuốt mất. Trừ phi có ai xô hắn qua thành cầu và chính hắn đã lấy thế một người phóng xuống nước để tự cứu mình. Nhưng bằng chứng ở đâu? Vậy thì, tôi phải tường trình những gì tôi đã nhìn thấy, những gì tôi đã chứng kiến. Chứng kiến? Chứng kiến gì? Có ai tin tôi chăng? Không có một chứng cớ nào ở đâu cả. Thế thì, tôi sẽ xem, tôi sẽ tìm chứng cớ. Tôi trở lên chỗ cầu cạn có đường xe lửa đi qua.   
Tôi leo lên. Chiếc cầu cạn hẹp và cao một cách nguy hiểm. Đứng trên đó tôi có thể nhìn ra được một phần khá rộng Texas, xanh và bốc hơi trong tháng Bảy. Tôi có thể nhìn ra vết sẹo của con sông, tôi có thể nhìn ra những chỗ có vẻ như đã lành lặn xưa là lòng đất thấp mồ côi. Tôi có thể nhìn thấy cái ống tỏa khói võ vàng hình lốc xoáy cuộn lên từ nhà máy xay ở Riverside, làm giàu cho chủ nhân và đầu độc ông, gia đình ông và những người lân cận. Và tôi có thể nhìn thấy chiếc cầu cũ tôi vừa đi qua và bấy giờ vẫn còn rung lên khi tôi chạm chân đến, với nét vòm cong tuyệt mỹ và kiểu cách, vàng rỡ dưới ánh mặt trời. Khúc nhạc tôi vừa nghe ra được từ nó bây giờ im bặt, dường như chỉ còn âm ỉ một tiếng vo ve trầm và sâu. Có vẻ như không thể nào một chiếc xe lửa có thể đi qua trên những đoạn đường hẹp giờ đây cỏ mọc lan tràn này. Tôi bước đến đâu, những con châu chấu đổ xô ra đến đó trong cái nóng thiêu đốt.   
Tôi không nhìn thấy những vết chân trên cỏ, không một dấu hiệu có bất cứ người nào đặt chân lên cầu cạn – trừ phi họ bước trên đường ray hay trên những đường tà vẹt. Áo quần người đàn ông ở đâu? Trừ phi ông ta để chúng lại trên bờ và cứ thế trần truồng chạy lên cầu – Chúa ôi, tôi đang dính vào chuyện gì thế này? Cũng có thể có nghĩa là người đàn ông đã tự vẫn, đầu óc tôi không ngớt băn khoăn; hoặc ông ta điên; cũng có thể có nghĩa là chẳng có ai khác dính dáng vào chuyện này. Hoặc có thể có nghĩa là tôi đang mắc một thứ điên khi đứng trên cầu, hoặc bị chứng thị giác thỉnh thoảng vẫn xảy ra khi ta trở về xứ sở, khi trở về những nơi chốn còn lẫn khuất một mối xúc cảm sâu đậm?   
Có ai từng kể cho tôi nghe câu chuyện một người đứng từ trên cầu cạn nhảy xuống sông chăng? Phải chăng đây có thể là một hồn ma day dứt mà số phận buộc phải diễn lại đến muôn đời chuyện tự sát của mình? Và nếu thế, ông ta có phải tiếp tục làm như vậy, khi mà giờ đây sông đã biến mất? Đúng ra ý nghĩ này làm tôi thấy thương tâm quá.   
Chiếc cầu cạn trông thật là cao! Nhìn xuống lòng sông tôi thấy quả là chóng mặt. Tôi thử tìm cách định vị trí chỗ người nhảy xuống đã đụng lòng sông cạn nước. Tuyệt nhiên không có một dấu hiệu nào. Chỗ cát đã hút con người ấy vào miệng ngay trước mắt tôi đã khép lại và tự niêm kín. Về phần liên hệ đến tôi, câu chuyện như thế là đã kết thúc. Cái gì có thể đã xẩy ra sẽ là chuyện bí mật của tôi. Tôi phải khước từ, phải bỏ cuộc thôi. Bạn có thể hiểu là tôi không có sự chọn lựa, và không thể làm gì khác hơn được.   
Đấy là mùa hè tôi đi một chuyến du hành tình cảm khắp các vùng đất quê hương, sau mười lăm năm xa nhà. Chiếc cầu bắc ngang con sông yêu mến ngày xưa từng là một trong những kỷ niệm cảm động nhất của tôi – một cái gì treo trong ký ức thời thơ ấu của tôi như một đồ trang sức quí báu. Đây là một công trình mảnh mai, làm bằng sắt và gỗ, và đường vòm uốn lượn thật thơ mộng, thật thanh nhã, phía dưới nửa vòng xuyến (nửa kia nằm dưới đất) là dòng sông xanh chảy qua. Kiến trúc thượng tầng đúng ra thích hợp cho một tháp Hồi giáo hơn là cho một cây cầu. Đứng từ xa trông nó giống như một cái cầu tàu hoa mỹ, ở Brighton hay ở Santa Monica ngày xưa; hoặc, trong cái nóng bốc hơi của mùa hè, nó còn giống như một cái tháp lâu đài, một kiến trúc bằng vàng. Đứng gần hơn, tất nhiên, nó là một cái cầu sắt và gỗ với một vẻ đẹp, một hình thề, một quan niệm tạo dáng khác thường. Xưa nay nó vẫn luôn luôn là một cái cầu không hoàn hảo, xộc xệch ngay từ buổi đầu. Người ta đã xây không đúng qui cách – một lỗi kỹ thuật thiết kế: đường đi lên quá dốc và đường đi xuống quá gắt. Nhưng vẻ đẹp của nó thì thật là bền bĩ. Và mặc những khuyết điểm của nó, người ta vẫn dùng cầu Riverside làm đường giao thông mà không xảy ra chuyện rủi ro trầm trọng nào, suốt nhiều năm. Chỉ có điều đi qua cầu mà thấy lúng túng, kỳ lạ và có phần huyền bí thì quả là không dễ chịu và có cái gì làm ta không yên tâm.   
Vài ba chuyện có thật đã xảy ra trên cái phương tiện thần diệu, nhưng thiết thực này khi qua sông. Một mặt, bởi vì cầu lắc lư, nên thời chúng tôi còn nhỏ, mẹ tôi không chịu đi xe qua đó. Mẹ ra khỏi xe và đi bộ qua, tay níu vào lan can, trong khi cha tôi vừa rủa vừa lái cho những ngưòi còn lại trên xe qua cầu. Chị tôi và tôi ngoái cổ nhìn cái dáng nhỏ bé của mẹ bấy giờ đang vất vả đi với vẻ buồn rầu và quả rất cô đơn trên cái thứ thiết bị quỉ quái kia, vốn là mối dằn vặt của mẹ. Tôi nhớ cha tôi bước ra khỏi xe, bên kia cầu, đứng chờ bên lề đường, nhìn về phía cầu, dõi theo bước tiến chậm chạp của mẹ. Khi mẹ đến nơi, mặt nhợt nhạt, mẹ tuyên bố, như mọi lần mẹ vẫn tuyên bố, “Tôi xin thề với Chúa là nếu như cô em gái Sarah của tôi không ở Riverside, nhất định không bao giờ tôi đến gần cái chỗ này.” “Vâng thì bà có thể nằm dài ở băng ghế sau, để cái bông gòn lúc nào bà cũng mang theo vào tai, và không biết gì nữa, như tôi vẫn lặp đi lặp lại với bà,” cha tôi nói. “Nhưng tôi vẫn biết,” mẹ tôi vặn lại. “Tôi vẫn biết là ta đang đi trên cái cầu quỉ quái này.” “Vậy thì bà hãy lấy chuyến xe lửa trời đánh từ Palestine đến vậy. Cầu trên đường xe lửa thì bằng phẳng đấy.” Và, bước vào xe và đóng sầm cánh cửa, “Hoặc là cứ ở nhà và chỉ cần viết cho cô em Sarah quái đản của bà là được. Lấy một ông chồng ngốc là phải rồi.”   
“Mẹ ơi,” chị tôi nói, cố tình làm không khí hòa dịu. “Mẹ kể chúng con nghe cái lần mẹ gần như chết đuối dưới sông và Cha đã phải nhảy xuống nước để kéo mẹ lên.”   
“Đấy, nó ở cái chỗ đàng xa kìa. Ba mẹ hôm ấy câu cá suốt buổi sáng, và...”   
“Ôi Chúa cho tôi xin,” cha tôi nói.   
Sau những hiểm nguy và thách thức khi qua khỏi cầu, bên kia cầu không có gì hơn là một thành phố nhỏ tẻ nhạt với những con đường đất và những túp lều bạc phếch vì nắng mưa. Thành phố của những cư dân nghèo sống chung quanh một nhà máy ghê tởm phun lên một thứ bột tan gì đó gọi là Đất Fuller. Chất bột này nằm trên các mái nhà, trên mặt đất và trong những lá phổi. Cái mùi của nó chua và làm ngứa mắt.   
Khi tôi lái xe về phía thành phố này, ám ảnh bởi đã nhìn thấy người đàn ông nhảy ra khỏi cầu và giờ đây đầu óc hãy còn rất dao động, bị mất mọi cảm giác thực tại nhưng lại được dẫn dắt vào một thứ chân lý lạ lùng mà tôi chưa thể nào hiểu suốt nổi cho chính mình, tôi thấy trong kính chiếu hậu hình ảnh bất động của chiếc cầu bắc qua sông có ẩn chứa biết bao khúc nhạc, vây quanh cái bóng ma của cái vì đó mà nó đã được tạo ra, là con sông đã mất mang trong lồng ngực cát của nó hình dáng của kẻ từ trên cầu cạn nhảy xuống, mà tôi tin chắc chính mình đã nhìn thấy. Tôi đến Riverside và bấy giờ khói hơi cay của nhà máy đã làm tôi chảy nước mắt.   
  
*Dịch từ nguyên tác tiếng Anh "Bridge of Music, River of Sand", trong tuyển tập truyện ngắn cuả William Goyen, The Collected Stories of William Goyen, Doubleday & Company, Inc., 1975.*

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: tienve  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 6 tháng 7 năm 2006